TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HS-ST
Ngày: 28/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đinh Thành Nam.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Trần Thị Ngọc.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Xuân Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm 3, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có vợ là Hà Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Trần Văn H1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 1, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị T; có vợ là Đỗ Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 4, D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Đ và bà Đặng Thị K; có vợ là Nguyễn Thị Bích Đ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Trần Văn T2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm 3, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần

Thị P; có vợ là Lê Thị C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Trần Văn T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 1, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị L; có vợ là Trần Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm 5, D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T5 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trương Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn Đức T4, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 1, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị S (đều đã chết); có vợ là Trần Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Trần Thị N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm 1, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị N (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Đức T4 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018; hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người chứng kiến:

+ Chị Hà Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm 3, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn H - Trưởng xóm 3, T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 30/8/2018, Trần Văn T3, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Nguyễn Đức T4 và Nguyễn Trọng H3 đến nhà Trần Văn T1 ở xóm 3, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam nộp tiền hụi họ và ăn cơm trưa tại đây. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, thì cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng; sau đó lấy bộ bài tú lơ khơ và vào trong buồng nhà T1 cùng nhau sát phạt, mức sát phạt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/người/ván. Ngồi chơi được khoảng 40 phút thì Nguyễn Trọng H3 đi về, lúc này Trần Thị N đang ngồi xem thì vào chơi thay vị trí của Nguyễn Trọng H3.

Quy luật chơi và tỷ lệ được thua như sau:

Từng ván chơi, mỗi người bỏ ra 50.000 đồng để góp *"gà"*, sau đó từng người chơi lần lượt được tố một lần, mỗi lần *"tố"* phải bỏ ra tối thiểu số tiền là 50.000 đồng và tối đa số tiền là 200.000 đồng (*"tố"* có nghĩa là đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền những người chơi đã đặt hoặc cao hơn số tiền người chơi trước đó đã tố). Đồng thời quy định từ cao đến thấp là lá "sáp", "liêng", "ảnh" rồi đến tính điểm. "Sáp" là ba lá bài giống nhau (cao nhất là AAA đến thấp nhất là 222), "liêng" là ba lá bài liên tiếp nhau (liêng cao nhất là Q, K, A cơ đến thấp nhất là A, 2, 3 bích), "ảnh" là ba lá bài có hình đầu người trong đó có hai quân bài giống nhau. Nếu tính điểm thì cộng ba quân bài lại với nhau, cao nhất là 9 đểm, thấp nhất là 0, trong đó A=1 điểm, 2=2 điểm...9=9 điểm, từ 10 đến K tính là không điểm, đồng thời quy định chất rô là lớn nhất sau đó đến các chất cơ, tép, bích. Khi bắt đầu chơi, một người lấy bộ bài tú lơ khơ đảo đều rồi chia cho mỗi người 03 quân bài, số quân bài còn lại người chia bỏ xuống chiếu bạc. Sau đó các con bạc bắt đầu lên bài, căn cứ vào ba quân bài của mình mà người chơi có thể tham gia vào việc "tố" tức là đánh được thua với các con bạc khác. Khi tố thì người chia bài được tố đầu tiên, nếu người chia bài không tham gia tố, thì người ngồi bên phía tay phải của người chia bài được tố đầu tiên. Người tố đầu tiên phải tố thấp nhất số tiền là 50.000 đồng và cao nhất số tiền là 200.000 đồng trên một lượt. Khi người tố đầu tiên đã "tố" xong, thì người ngồi bên phía tay phải của người tố đầu là người tiếp theo được tố, người này tùy thuộc vào ba quân bài của mình mà có thể tham gia tố hoặc không tham gia. Khi tham gia tố thì người này phải tố thấp nhất bằng với số tiền người tố trước mình (gọi là theo hoặc cân) hoặc tố cao hơn nhưng cũng không quá số tiền là 200.000 đồng, còn khi không tham gia tố thì nói "bỏ hoặc úp" và úp ba quân bài đã được chia vào lọc. Khi các con bạc tố theo lên đến số tiền 200.000 đồng thì mở bài ra đọ. Khi tất cả những người cùng chơi đọ bài, ai có bài to nhất thì thắng và được toàn bộ số tiền các con bạc đã đóng gà cùng số tiền đã tố và người này là người được chia bài, được quyền tố đầu tiên của ván tiếp theo.

Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng trên đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Công an xã P bắt quả tang, thu giữ:

Trên chiếu bạc: Số tiền 18.900.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ cũ và 01 chiếu nhựa cũ.

Ngoài ra còn thu ở góc tường phòng ngủ bên cạnh cầu thang 01 bộ bài tú lơ khơ cũ.

Thu trên người các bị cáo: Trần Văn H1 số tiền 1.150.000 đồng, Nguyễn Đức T4 số tiền 1.040.000 đồng, Trần Thị N số tiền 1.600.000 đồng, Nguyễn Trọng H2 số tiền 700.000 đồng và Trần Văn T2 số tiền 92.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định các bị cáo đã đánh bạc với tổng số tiền là 18.900.000 đồng là tiền thu trên chiếu bạc.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSLN ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Trần

Văn T3, Nguyễn Đức T4, Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 về tội *"Đánh bạc"*, theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T3 và Trần Văn T2; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng H3; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; các bị cáo Trần Văn T3, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T) và Trần Văn T2 mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; bị cáo Nguyễn Trọng H3 từ 12 tháng đến 15 tháng tù cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo 500.000 đồng/tháng; các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T3, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Nguyễn Đức T4, Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, với lời khai của người chứng kiến cũng như với vật chứng thu được. Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 30/8/2018, tại nhà Trần Văn T1 ở xóm 3, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; Trần Văn T1, Trần Văn T3, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Nguyễn Đức T4, Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 đã cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng, mức sát phạt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/người/ván. Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày thì Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Ban Công an xã P bắt quả tang, thu trên chiếu bạc số tiền 18.900.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Trần Văn T3, Nguyễn Đức T4,

Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 đã phạm vào tội *"Đánh bạc"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự địa phương. Vì vậy phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành; bị cáo Trần Văn T1 là chủ nhà và cùng tham gia đánh bạc nên có vai trò thứ nhất; các bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2 và Trần Văn T3 tham gia đánh bạc ngay từ đầu nên có vai trò thứ hai ngang nhau; các bị cáo Nguyễn Đức T4, Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 sử dụng số tiền đánh bạc và thời gian tham gia đánh bạc ít hơn nên có vai trò cuối.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

Khi quyết định hình phạt cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn T1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo Trần Văn T3 có bố để tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân Chương; các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Đức L, bố các bị cáo là ông Nguyễn Đức N cũng tham gia kháng chiến chống pháp - Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc xử lý theo hướng cho các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2 và Trần Văn T3 được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng H3 giam gia đánh bạc với số tiền và thời gian ít hơn các bị cáo khác nên phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp; cần phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H3. Các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N (là vợ bị cáo T4) có vai trò cuối, hơn nữa các bị cáo có bố đẻ tham gia kháng chiến và đang thờ cúng liệt sỹ nên chỉ cần phạt tiền đối với các bị cáo phù hợp với các điều Điều 65, Điều 36, Điều 35 Bộ luật hình sự và nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[3] Về hình phạt bổ sung:

- Các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N (là vợ bị cáo T4) có điều kiện và hoàn cảnh như đã phân tích trên nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung.

- Các bị cáo còn lại cần phải phạt tiền là hình phạt bổ sung, tuy nhiên cũng cần phải xem xét về hoàn cảnh gia đình thực tế của các bị cáo nên cần giảm một phần hình phạt tiền cho các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Số tiền 18.900.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền 1.150.000

đồng thu trên người Trần Văn H1, số tiền 1.040.000 đồng thu trên người Nguyễn Đức T4, số tiền 1.600.000 đồng thu trên người Trần Thị N, số tiền 700.000 đồng thu trên người Nguyễn Trọng H2 và số tiền 92.000 đồng thu trên người Trần Văn T2 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại các bị cáo nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án. Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếu nhựa cũ không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo.

Căn cứ thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2 và Trần Văn T3; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng H3; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T3, Nguyễn Đức Tr4 và Trần Thị N.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Trần Văn T3, Nguyễn Trọng H3, Nguyễn Đức T4 và Trần Thị N phạm tội *"Đánh bạc"*.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 15 *(mười lăm)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 *(ba mươi)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 12 *(mười hai)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 *(hai mươi bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T) 12 *(mười hai)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 *(hai mươi bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 12 *(mười hai)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 *(hai mươi bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 10 *(mười)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 *(hai mươi)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H3 09 *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Trọng H3 mỗi tháng 400.000 đồng/tháng nộp ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T4 số tiền 25.000.000 đồng *(hai mươi năm triệu đồng)* nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị N số tiền 25.000.000 đồng *(hai mươi năm triệu đồng)* nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng H3 cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T) cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn H1, Trần Văn T2 và Trần Văn T3 cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung

Căn cứ Điều 35 và Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

Phạt tiền: Bị cáo Trần Văn T1 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*; các bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Trần Văn T3 và Nguyễn Trọng H3 mỗi bị cáo 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 18.900.000 đồng thu trên chiếu bạc.

Trả lại bị cáo: Trần Văn H1 số tiền 1.150.000 đồng, Nguyễn Đức T4 số tiền 1.040.000 đồng, Trần Thị N số tiền 1.600.000 đồng, Nguyễn Trọng H2 số tiền 700.000 đồng và Trần Văn T2 số tiền 92.000 đồng nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếu nhựa cũ.

4. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/1016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T3, Trần Văn H1, Nguyễn Trọng H2 (tên gọi khác Nguyễn Trọng T), Trần Văn T2, Nguyễn Đức T4, Trần Thị N và Nguyễn Trọng H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam